

Vietnam Daily Review

Tiếp tục đà hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 31/5/2022	•		
Tuần 30/5-3/6/2022	•		
Tháng 5/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index mở cửa với gap dương hướng đến vùng kháng cự 1290 trước khi lực bán đẩy chỉ số trở về ngưỡng 1280. Tuy nhiên sau đó, bên mua áp đảo và đưa chỉ số trở lại đóng cửa tại vùng 1290, tăng hơn 8 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/19 ngành tăng điểm, trong đó nhóm Du lịch và Giải trí có mức tăng mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng hơn 1000 tỷ trên sàn HSX. Trong những phiên tới, thị trường có thể sẽ giao dịch trong vùng 1285-1290.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư thận trọng giao dịch, chờ đợi tín hiệu xác nhận phá vỡ hoặc đảo chiều tại ngưỡng cân tâm lý 1340-1350.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/05/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): PDR_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index 8.47 điểm, đóng cửa 1293.92 điểm. HNX-Index 1.6 điểm, đóng cửa 312.77 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+0.88), VJC (+0.78), VCB(+0.72), BID (+0.57), VPB(+0.57).
- Kéo chỉ số giảm: MWG (-0.27), VNM (-0.26), BCM (-0.13), SSB (-0.12), FPT (-0.11).
- Giá trị khốp lệnh của VN-Index đạt 12.758 tỷ đồng, giảm 15.54% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16.496 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 14.95 điểm. Thị trường có 289 mã tăng, 65 mã tham chiếu và 145 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 1,675.25 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FUEVFDND (1,135.17 tỷ), FPT (362.66 tỷ), STB (45.04 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -575.73 triệu đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1293.92**
Giá trị: 12757.53 tỷ 8.47 (0.66%)
Khối ngoại (ròng): 1675.25 tỷ

HNX-INDEX **312.77**
Giá trị: 1802.7 tỷ 1.6 (0.51%)
Khối ngoại (ròng): -0.575 tỷ

UPCOM-INDEX **95.71**
Giá trị: 0.78 tỷ 0.42 (0.44%)
Khối ngoại(ròng): 1.22 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	115.7	0.50%
Giá vàng	1,859	0.26%
Tỷ giá USD/VND	23,183	-0.07%
Tỷ giá EUR/VND	24,960	0.50%
Tỷ giá JPY/VND	18,212	-0.23%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	2.86%
LS TPCP 5 năm	2.5%	-0.87%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFDND	1.135.172	E1VFDN30	-62.8
FPT	362.7	PNJ	-59.1
STB	45.0	GAS	-26.3
HPG	28.9	NLG	-16.3
HDB	26.1	HDC	-10.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

PDR_Tín hiệu hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD đang ở trên đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: Xu hướng tăng điểm

Nhận định: PDR có một phiên tăng điểm tốt với thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI tiếp tục cho thấy xu hướng tích cực tuy nhiên đường giá cổ phiếu hiện vẫn nằm dưới đường MA20 và MA50. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 55.3, chốt lãi tại ngưỡng 61.3 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 52.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

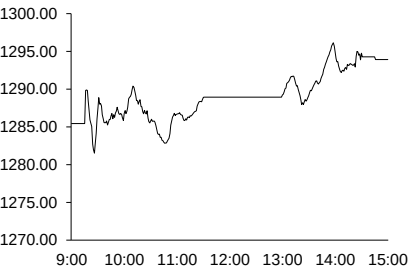
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	3.42%
Dầu khí	1.95%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.77%
Xây dựng và Vật liệu	1.41%
Ngân hàng	0.85%
Dịch vụ tài chính	0.70%
Truyền thông	0.66%
Bất động sản	0.65%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.56%
Ô tô và phụ tùng	0.39%
Bảo hiểm	0.34%
Tài nguyên Cơ bản	0.24%
Hóa chất	0.04%
Thực phẩm và đồ uống	0.04%
Viễn thông	0.00%
Công nghệ Thông tin	-0.28%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.54%
Y tế	-0.58%
Bán lẻ	-0.79%

Hình 1

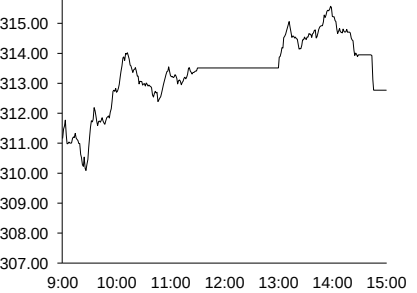
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

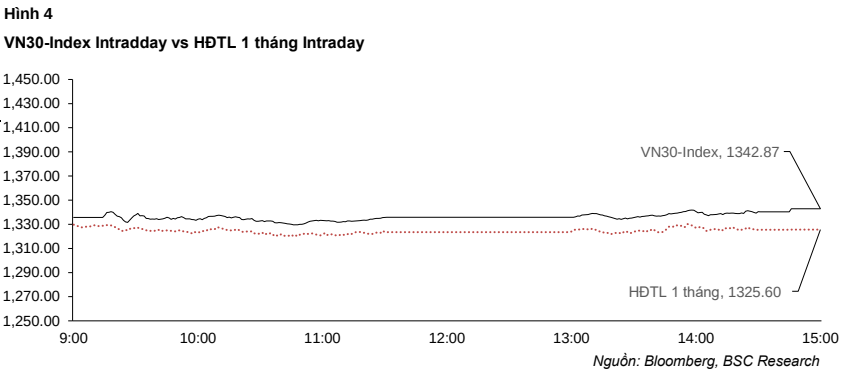
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/30/2022	MWG	146.7	162	136.7	144.2	0	-1.70%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	26.15	4	3.36%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/25/2022	FRT	121.8	154.1	112.4	131	5	7.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	35.3	11	12.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	39.6	12	13.14%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	1	9.12%	-1.70%	6.95%	6
Cổ phiếu đã chốt	244	212	7.17%	-7.57%	4.25%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2206	1325.60	0.23%	-17.27	-20.2%	204,050	6/16/2022	19
VN30F2207	1325.00	0.08%	-17.87	-36.9%	333	7/21/2022	54
VN30F2209	1324.20	0.03%	-18.67	-59.4%	39	9/15/2022	110
VN30F2212	1323.30	0.41%	-19.57	-70.7%	187	12/15/2022	201

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 7.19 điểm lên 1342.87 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VJC, STB, VHM và TCB đã tác động đến nhịp vận động tích cực của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư thận trọng giao dịch, chờ đợi tín hiệu xác nhận phá vỡ hoặc đảo chiều tại ngưỡng cân tâm lý 1340-1350.
- Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ hầu hết đều giảm, chỉ có HĐ VN30F2212 tăng điểm so với phiên trước. Xét về vị thế mở có sự cân bằng khi HĐ VN30F2206 và VN30F2209 tăng, HĐ VN30F2205 và VN30F2212 giảm so với phiên trước đó. VN30 duy trì xu hướng hồi phục với thanh khoản ở mức trung bình. Nhịp vận động quanh vùng cân tâm lý 1340 - 1350.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2203	8/15/2022	77	5:1	733,200	38.45%	1,100	500	6.38%	167	3.00	33,388	28,888	25,850
CVHM2207	10/19/2022	142	8:1	32,300	26.50%	2,000	1,410	4.44%	456	3.09	84,600	73,000	70,500
CSTB2208	10/20/2022	143	5:1	568,300	43.20%	1,100	480	4.35%	123	3.89	33,561	30,111	22,800
CHDB2205	10/20/2022	143	5:1	54,000	38.45%	1,000	920	3.37%	430	2.14	27,861	27,111	25,850
CVHM2205	8/15/2022	77	16:1	289,400	26.50%	1,000	390	2.63%	49	7.89	85,608	78,888	70,500
CFPT2202	6/24/2022	25	10:1	236,700	30.48%	1,700	2,230	1.36%	2,050	1.09	97,200	89,700	111,300
CMWG2204	10/7/2022	130	10:1	50,500	32.03%	3,000	1,680	-1.18%	1,175	1.43	159,500	45,000	145,200
CVIC2204	8/22/2022	84	16:1	20,200	25.46%	1,000	610	-1.61%	120	5.07	101,093	83,333	78,500
CVPB2203	7/15/2022	46	16:1	25,200	35.80%	1,000	540	-1.82%	190	2.85	48,888	28,888	31,600
CMWG2203	9/26/2022	119	7:1	24,600	32.03%	1,990	1,600	-1.84%	1,395	1.15	156,260	148,000	145,200
CACB2203	10/19/2022	142	3:1	82,800	27.66%	2,500	1,670	-2.91%	600	2.78	34,500	33,000	31,950
CNVL2202	8/15/2022	77	16:1	213,500	24.26%	1,000	550	-3.51%	167	3.30	87,839	79,999	78,700
CVNM2204	10/7/2022	130	10:1	86,200	22.60%	1,500	890	-4.30%	414	2.15	84,100	73,000	72,500
CNVL2201	10/5/2022	128	20:1	128,300	24.26%	1,100	410	-4.65%	32	12.71	99,979	93,979	78,700
CPOW2201	7/15/2022	46	5:1	163,300	49.80%	1,000	200	-4.76%	29	6.78	42,666	16,666	13,450
CVNM2203	8/15/2022	77	20:1	85,400	22.60%	1,000	360	-5.26%	32	11.42	116,111	81,111	132,500
CNVL2204	9/20/2022	113	16:1	1,213,300	24.26%	1,000	510	-5.56%	102	5.01	102,639	85,999	78,700
CVNM2206	10/19/2022	142	9:1	29,300	22.60%	1,950	1,020	-6.42%	203	5.02	82,520	80,000	72,500
CKDH2204	8/15/2022	77	8:1	49,500	36.48%	1,300	310	-8.82%	40	7.81	65,893	53,333	42,400
CFPT2203	8/1/2022	63	4:1	723,300	30.48%	3,800	4,800	-9.43%	4,086	1.17	100,720	95,000	111,300
Tổng				4,076,100	30.28%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 30/05/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2207 và CVIC2109 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 33.33% và 20.00%. Giá trị giao dịch giảm 40.29%, CFPT2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 20.94 % thị trường.
- CSTB2205,CPNJ2201, CVPB2204 và CVPB2205 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CFPT2201, CNVL2203, CMSN2203 và CKDH2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	145.2	-1.0%	0.7	4,620	8.0	7,030	20.7	4.7	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	120.5	-1.5%	0.7	1,270	6.4	5,443	22.1	3.6	52.2%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	53.5	-0.2%	1.4	1,727	2.8	2,529	21.2	1.8	26.3%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	50.2	0.0%	0.6	511	0.1	3,644	13.8	1.5	58.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	78.5	0.6%	0.5	13,017	4.7	(578)	N/A	2.9	12.5%	-2.4%
VRE	Bất động sản	30.0	0.5%	1.1	2,959	3.7	401	74.7	2.2	31.0%	3.0%
VHM	Bất động sản	70.5	1.1%	0.8	13,347	7.9	8,786	8.0	2.4	23.3%	34.5%
DXG	Bất động sản	28.2	3.3%	1.4	745	10.9	1,503	18.8	1.9	31.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	29.9	0.0%	1.6	1,291	19.2	3,023	9.9	2.0	34.6%	22.6%
VCI	Chứng khoán	39.3	-0.6%	1.0	568	7.0	4,884	8.0	1.8	19.2%	26.9%
HCM	Chứng khoán	24.2	0.0%	1.6	481	3.6	2,619	9.2	1.5	42.4%	17.9%
FPT	Công nghệ	111.3	-0.4%	1.0	4,424	12.1	5,152	21.6	5.3	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	72.1	-0.6%	0.4	1,029	0.0	4,926	14.6	3.9	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	110.0	0.0%	1.0	9,154	3.3	5,109	21.5	3.9	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	43.4	1.9%	1.5	2,398	2.4	1,950	22.3	2.2	17.1%	9.9%
PVS	Dầu khí	29.0	2.8%	1.6	603	19.9	1,408	20.6	1.2	9.1%	5.5%
BSR	Dầu khí	24.8	3.8%	0.8	3,343	12.4	2,108	11.8	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	93.5	-0.3%	0.3	532	0.1	6,105	15.3	3.4	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	56.5	-0.5%	1.2	961	5.3	12,920	4.4	1.8	14.8%	50.2%
DCM	Hóa chất	34.9	-1.3%	1.2	802	5.0	5,643	6.2	2.1	9.6%	38.9%
VCB	Ngân hàng	78.0	0.8%	0.9	16,049	4.5	4,855	16.1	3.2	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	35.8	1.3%	1.2	7,863	1.7	2,266	15.8	2.1	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.3	1.1%	1.5	5,704	3.3	2,558	10.7	1.3	26.0%	13.0%
VPB	Ngân hàng	31.6	1.6%	1.2	6,108	16.1	3,874	8.2	1.6	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	28.1	0.4%	1.3	4,616	9.7	3,623	7.8	1.7	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	32.0	0.5%	1.1	3,753	3.1	3,852	8.3	1.8	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	59.3	0.0%	0.7	211	0.1	3,150	18.8	2.0	85.7%	10.7%
NTP	Nhựa	44.9	-1.3%	0.5	230	0.2	3,990	11.3	1.9	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	22.8	3.2%	1.4	1,090	0.6	178	128.1	1.8	10.1%	1.4%
HPG	Thép	35.5	0.0%	1.1	6,894	23.3	7,443	4.8	1.6	21.1%	40.4%
HSG	Thép	23.1	-0.6%	1.5	495	8.3	7,157	3.2	1.0	6.7%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	72.5	-0.7%	0.6	6,588	6.7	4,390	16.5	4.7	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	153.4	-0.4%	0.8	4,277	0.9	5,969	25.7	4.6	62.6%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	110.0	0.0%	1.1	6,775	3.2	7,041	15.6	5.7	28.7%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	17.7	0.3%	1.6	484	1.3	1,144	15.5	1.3	8.4%	8.3%
ACV	Vận tải	86.9	0.1%	0.8	8,225	0.1	363	239.5	5.0	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	132.5	4.3%	1.1	3,120	6.6	361	366.6	4.2	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	19.2	3.0%	1.7	1,844	1.2	(5,210)	N/A	N/A	6.0%	#VALUE!
GMD	Vận tải	56.6	2.4%	1.0	742	5.8	2,256	25.1	2.6	45.0%	10.8%
PVT	Vận tải	20.7	1.2%	1.4	291	2.8	2,088	9.9	1.3	11.5%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	93.6	0.0%	0.9	651	0.2	10,540	8.9	2.9	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	41.0	1.7%	0.8	799	2.0	3,677	11.2	2.4	4.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.1	0.3%	1.1	283	0.7	783	21.8	1.3	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	50.9	3.0%	1.3	163	1.1	(27)	N/A	N/A	44.8%	0.0%
CII	Xây dựng	21.9	-0.5%	1.3	240	4.0	1,266	17.3	1.0	10.7%	6.1%
REE	Điện	94.7	5.7%	-1.4	1,463	4.5	5,994	15.8	2.5	49.0%	16.7%
PC1	Điện	36.9	3.5%	-0.4	377	2.5	3,238	11.4	1.8	5.1%	16.9%
POW	Điện	13.5	0.7%	0.6	1,369	5.6	859	15.7	1.1	2.1%	6.9%
NT2	Điện	22.8	2.2%	0.7	285	0.7	1,933	11.8	1.5	14.1%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	44.2	-0.2%	1.5	1,106	3.2	1,154	38.3	1.7	18.7%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	73.0	-1%	0.9	3,285	0.4	1,190	61.3	4.6	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	70.50	1.15	0.88	2.59MLN
VJC	132.50	4.33	0.76	1.16MLN
VCB	78.00	0.78	0.72	1.33MLN
BID	35.75	1.27	0.58	1.09MLN
VPB	31.60	1.61	0.57	11.85MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MWG	0.00	-0.28	1.26MLN	1.11MLN
VNM	0.00	-0.27	2.12MLN	607060
BCM	0.00	-0.13	122400	373600
SSB	0.00	-0.13	2.61MLN	192700
FPT	0.00	-0.12	2.50MLN	611640

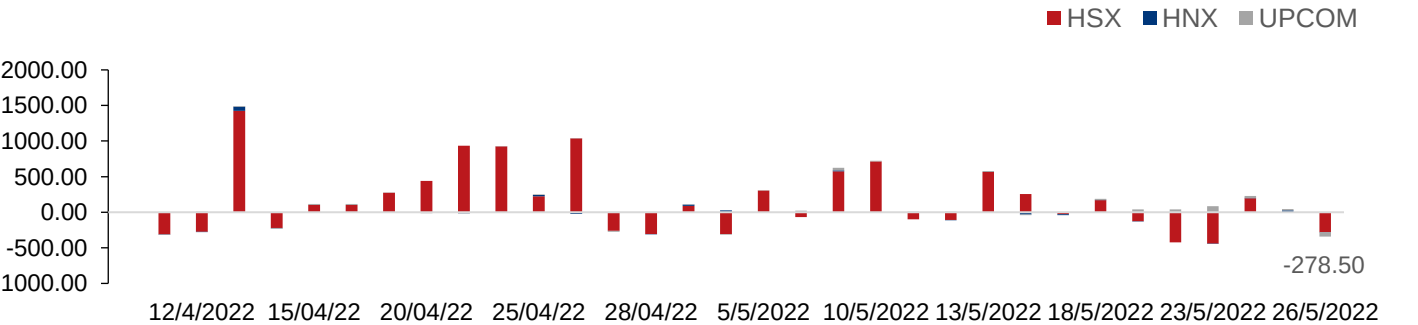
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAI	3.21	7.00	0.01	2.66MLN
MCG	5.35	7.00	0.01	493000
JVC	7.22	6.96	0.01	1.81MLN
KDC	58.40	6.96	0.27	2.42MLN
HSL	7.70	6.94	0.00	326900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LM8	12.35	-6.79	0.00	22300
LEC	11.05	-5.96	-0.01	800
NAV	22.85	-4.79	0.00	4300.00
ABT	40.20	-4.29	-0.01	3800
IMP	67.00	-3.87	-0.05	1000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	111.3	5,152	21.6	5.3	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	30.5	2,466	12.3	2.0	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	31.0	11,559	2.7	1.1	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.5	859	15.7	1.1	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	120.5	5,443	22.1	3.6	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	145.2	7,030	20.7	4.7	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.7	2,088	9.9	1.3	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	215.0	18,902	11.4	5.0	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	35.5	7,443	4.8	1.6	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	44.2	1,154	38.3	1.7	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	29.7	5,084	5.8	1.9	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	28.2	1,503	18.8	1.9	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	127.0	8,596	14.8	5.7	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	52.7	2,136	24.7	2.6	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	30.1	2,917	10.3	1.9	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	103.0	8,331	12.4	3.0	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	31.6	1,941	16.3	1.4	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	50.2	3,644	13.8	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	29.0	1,408	20.6	1.2	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	110.0	5,109	21.5	3.9	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.3	3,141	7.1	1.4	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	50.9	-27	#N/A N/A	0.5	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.5	1,701	9.1	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.5	1,350	9.3	0.6	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.5	1,350	9.3	0.6	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	15.6	2,433	6.4	1.2	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	120.5	5,443	22.1	3.6	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	120.5	5,443	22.1	3.6	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	145.2	7,030	20.7	4.7	Click
30	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	52.3	2,762	18.9	3.7	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	47.8	1,900	25.2	2.1	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	24.8	2,108	11.8	2.0	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	19.5	1,034	18.9	1.1	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	103.0	8,331	12.4	3.0	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	35.0	2,916	12.0	1.9	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	14.9	689	21.6	1.1	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	26.2	2,054	12.8	1.3	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	48.3	3019.9	16.0	1.9	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.8	1,933	11.8	1.5	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	110.0	5,109	21.5	3.9	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	31.0	11,559	2.7	1.1	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	42.4	1,878	22.6	2.6	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	72.5	4,390	16.5	4.7	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	111.3	5,152	21.6	5.3	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.0	401	74.7	2.2	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	215.0	18,902	11.4	5.0	Click
47	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	35.9	6,244	5.7	1.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
6	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
9	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
11	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
14	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
15	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
16	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
18	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
21	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
24	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
31	Banking Sector Outlook		x	Click
32	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
34	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
35	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
36	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
37	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
39	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
40	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
41	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
42	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
43	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
44	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639